TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/DS-ST
Ngày: 15-9-2025
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khắc Chung và ông Nguyễn Huy Cường

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Bích Hợp là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025; Về việc *"Tranh chấp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A, tổ G, ấp L, xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Đỗ Hoàng P, sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 2005 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Số E, quốc lộ I, khóm V, xã C, tỉnh An Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 07/5/2025.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ G, ấp L, xã T, tỉnh An Giang.

3. Người làm chứng: Nguyễn Thị Kim H (5 Tại), sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N (do ông Đỗ Hoàng P đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Do quen biết, bà Nguyễn Thị Mỹ C có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị Thanh N làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 30/7/2021 (âm lịch) gồm có 25 phần, bà C tham gia 01 phần, bà C đóng hụi đầy đủ đến lần thứ 3 ngày 30/8/2021 (âm lịch) bà C hốt hụi được số tiền 57.300.000 đồng. Sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.500.000 đồng. Bà C đã nhận tổng số tiền là 55.800.000 đồng. Sau đó bà C không chầu hụi chết và còn nợ lại số tiền là 21 lần x 3.000.000 đồng = 63.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 16/6/2022 (âm lịch) gồm có 19 phần, bà C tham gia 01 phần, bà C đóng hụi đầy đủ đến lần thứ 3 ngày 15/8/2021 (âm lịch) bà C hốt hụi được số tiền 42.800.000 đồng. Sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.500.000 đồng. Bà C đã nhận tổng số tiền là 41.300.000 đồng. Sau đó bà C không chầu hụi chết và còn nợ lại số tiền là 15 lần x 3.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 15/11/2022 âm lịch, gồm có 14 phần, bà C tham gia 01 phần, bà C đóng hụi đầy đủ đến lần thứ 3 ngày 15/01/2023 (âm lịch) bà C hốt hụi được số tiền 46.860.000 đồng. Sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 2.500.000 đồng. Bà C đã nhận tổng số tiền là 44.360.000 đồng. Sau đó bà C không chầu hụi chết và còn nợ lại số tiền là 10 lần x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi bà C còn phải trả cho bà N là 158.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau đó giữa bà N và bà C có thỏa thuận lại và kết sổ nợ là bà C còn nợ bà N số tiền 97.000.000 đồng. Bà C có trả cho bà N 7.000.000 đồng và hứa sau khi bà C bán nền nhà sẽ trả tiếp cho bà N 30.000.000 đồng và số tiền nợ còn lại sẽ trả từ từ nhưng sau đó bà C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ hụi cho bà N. Do đó, bà N gửi đơn tại B ấp L.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/10/2023 của Tổ hòa giải ấp L bà C thừa nhận nợ của bà N số tiền hụi 97.000.000 đồng, đã trả 7.000.000 đồng, còn nợ 90.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà N mỗi tháng 100.000 đồng nhưng bà N không đồng ý.

Nay bà Trần Thị Thanh N yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Bà N không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì khác và ý kiến gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

Do quen biết, bà có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ, bà thừa nhận trước đây có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ. Dây hụi thứ nhất 3.000.000 đồng/tháng, bà tham gia 01 phần, đã hốt hụi và còn nợ hụi chết là 3 lần x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng. Dây hụi thứ hai 3.000.000 đồng/tháng, bà có

tham gia 01 phần, đã hốt hụi, hụi đã mãn, bà không có nợ tiền hụi của bà N. Dây hụi thứ ba, hụi 5.000.000 đồng/tháng, bà tham gia 01 phần, đã hốt hụi và còn nợ hụi chết là 5 lần x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng. Về thời gian mở hụi, tổng số phần của các dây hụi, số lần chầu các dây hụi, tiền hốt hụi và các nội dung khác liên quan đến hụi của bà N thì bà không nhớ do lâu quá.

Bà và bà N có tổng kết số tiền hụi, bà thừa nhận có nợ bà N số tiền hụi 35.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả là 5.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng. Sau đó, bà N tiếp tục tính lãi đối với số tiền 40.000.000 đồng nên đến ngày 20/10/2023 tiền nợ hụi là 90.000.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N, bà thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà N tính đến ngày 20/10/2023 là 90.000.000 đồng nhưng năm 2024, bà đã trả cho bà N tổng cộng 31.000.000 đồng. Trong đó, lần 1 trả 20.000.000 đồng tại nhà của bà, có vợ ông T1 chứng kiến và lần 2 trả 11.000.000 đồng tại quán cà phê của vợ ông T1, có vợ ông T1 chứng kiến. Hiện bà xác định còn nợ bà N số tiền 59.000.000 đồng tiền hụi và đồng ý trả cho bà N. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, bà đang bị bệnh, không có việc làm, chỉ ở nhà nội trợ, còn chồng làm thuê với thu nhập không ổn định nên bà xin được trả khi có điều kiện kinh tế.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2025, người làm chứng Nguyễn Thị Kim H trình bày: Khoảng tháng 5/2023 tại nhà của bà Nguyễn Thị Mỹ C, bà có nghe bà C nói cầm bằng khoán ở tiệm V với số tiền 40.000.000 đồng. Bà C hẹn bà và bà N để trả mỗi người 20.000.000 đồng tại nhà của bà C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N. Buộc bà C phải trả cho bà N số tiền hụi còn nợ 90.0000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hụi.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn bà C có mặt. Nguyên đơn bà N (do ông P và bà T đại diện theo ủy quyền) vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà N yêu cầu bà C trả số tiền hụi còn nợ là 90.000.000 đồng. Bị đơn bà C thừa nhận có nợ tiền hụi của bà N 90.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 20/10/2023 của Tổ hòa giải ấp L, xã Ô, huyện C (nay là xã T), tỉnh An Giang thể hiện: Bà C có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ, có thừa nhận còn thiếu bà N 97.000.000 đồng, đã trả 7.000.000 đồng, còn nợ lại 90.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả dần 100.000 đồng. Bà C thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên bản hòa giải này là của bà. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét lời khai của bị đơn cho rằng đã trả một phần tiền nợ hụi:

Bà C thừa nhận còn nợ bà N số tiền hụi tính đến ngày 20/10/2023 là 90.000.000 đồng nhưng năm 2024 bà đã trả cho bà N 31.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1 trả 20.000.000 đồng tại nhà của bà, có vợ của ông T1 chứng kiến, lần 2 trả 11.000.000 đồng tại quán cà phê của vợ ông T1, vợ ông T1 có chứng kiến. Bà C xác định còn nợ 59.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà N nhưng nội dung trình bày này không được phía nguyên đơn thừa nhận. Xét bản tự khai ngày 10/8/2025 của bà H cho thấy, bà H có chứng kiến việc bà C trả cho bà N 20.000.000 đồng vào khoảng tháng 5/2023, trước thời điểm hòa giải ngày 20/10/2023 của Tổ hòa giải ấp L. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền trên đã được bà C trả cho bà N trước khi xác lập nghĩa vụ nợ 90.000.000 đồng tại buổi hòa giải. Ngoài lời khai này, bà C không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh việc đã trả thêm tiền cho bà N sau thời điểm hòa giải nên nội dung trình bày này của bà C không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét lời khai của bị đơn cho rằng trong khoản nợ có tiền lãi:

Bà C trình bày trong số tiền nợ hụi 90.000.000 đồng có 35.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 55.000.000 đồng là tiền lãi. Tuy nhiên, qua xác minh thể hiện tại buổi hòa giải ngày 20/10/2023 các bên chỉ thống nhất bà C còn nợ bà N 97.000.000 đồng, đã trả 7.000.000 đồng, còn nợ 90.000.000 đồng, không có đề cập, trình bày các nội dung gì liên quan đến tiền lãi. Đồng thời, bà C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét theo quy định.

Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở xác định giữa bà N với bà C có xác lập quan hệ pháp luật về hụi. Xét thấy, giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định pháp luật theo điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng bà C còn nợ bà N số tiền hụi tổng cộng là 90.0000.000 đồng. Do đó, việc bà N yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả số tiền nợ 90.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ vào các điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho bà Trần Thị Thanh N số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Thanh N được nhận lại 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009673 ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang).

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 – An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến